

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
TRUNG TÂM TIN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP LỚP VB2 K10B CHÍNH QUY (2011-2014)

Căn cứ Điều 27 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp, Trung tâm tin học báo cáo về kết quả học tập và đề nghị Hội đồng xét tốt nghiệp đợt 1 cho sinh viên lớp K10B hệ văn bằng đại học thứ hai chính quy của trung tâm như sau:

TT	LỚP	TSSV	ĐỀ NGHỊ XÉT TỐT NGHIỆP ĐỢT 1					KHÔNG ĐỦ ĐK XÉT TỐT NGHIỆP ĐỢT 1					GHI CHÚ
			Tổng	X sắc 3,60- 4,00	Giỏi 3,20- 3,59	Khá 2,50- 3,19	TB 2,00- 2,49	Tổng	Kỷ luật	Ko TL đủ TC	TBCHT < 2,00	Văn bằng	
1	K10B	97	71	0	8	46	17	26	0	24	17	1	

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Thủy

TRUNG TÂM TIN HỌC

Phạm Văn Hùng

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

Phạm Văn Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TRUNG TÂM TIN HỌC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP LỚP K10B
Đợt xét: 01

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTLY Hệ 4	ếp loại
1	K10BCQ001	Nguyễn Thị Hoài Phương	Nữ	K10BCQ	101	7.13	2.95	Khá
2	K10BCQ002	Nhiếp Văn Ngọc		K10BCQ	Nam	6.38	2.39	Trung bình
3	K10BCQ004	Nguyễn Thị Giang	Nữ	K10BCQ	101	6.36	2.47	Trung bình
4	K10BCQ005	Phùng Gia Đức	Nam	K10BCQ	101	7.9	3.38	Giỏi
5	K10BCQ008	Nguyễn Thị Nga	Nữ	K10BCQ	101	6.48	2.49	Trung bình
6	K10BCQ009	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	K10BCQ	101	6.55	2.56	Khá
7	K10BCQ010	Bùi Việt Hùng	Nam	K10BCQ	101	6.39	2.45	Trung bình
8	K10BCQ011	Nguyễn Anh Minh	Nam	K10BCQ	101	6.13	2.26	Trung bình
9	K10BCQ012	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	K10BCQ	101	6.96	2.88	Khá
10	K10BCQ013	Mai Văn Long	Nam	K10BCQ	101	7.31	3.07	Khá
11	K10BCQ014	Đặng Đức Kiên	Nam	K10BCQ	101	6.45	2.46	Trung bình
12	K10BCQ015	Đoàn Thị Hường	Nữ	K10BCQ	101	7.52	3.24	Giỏi
13	K10BCQ016	Trương Văn Tiến	Nam	K10BCQ	101	6.66	2.65	Khá
14	K10BCQ017	Đoàn Thị Thu	Nữ	K10BCQ	101	7.12	3	Khá
15	K10BCQ018	Nguyễn Thành Linh	Nam	K10BCQ	101	6.42	2.47	Trung bình
16	K10BCQ019	Kiều Văn Tinh	Nam	K10BCQ	101	6.95	2.82	Khá
17	K10BCQ020	Phạm Văn Đại	Nam	K10BCQ	101	7.09	2.95	Khá
18	K10BCQ022	Ngô Hoài Thanh	Nữ	K10BCQ	101	7.64	3.25	Giỏi
19	K10BCQ023	Hoàng Hữu Tiên	Nam	K10BCQ	101	7.05	2.91	Khá
20	K10BCQ026	Ngô Mạnh Tân	Nam	K10BCQ	101	7.63	3.29	Giỏi
21	K10BCQ027	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	K10BCQ	101	6.83	2.73	Khá
22	K10BCQ028	Trần Thu Hiền	Nữ	K10BCQ	101	7.61	3.24	Giỏi
23	K10BCQ030	Nguyễn Nhật Huy	Nam	K10BCQ	101	7.35	3.12	Khá
24	K10BCQ032	Nguyễn Văn Quỳnh	Nam	K10BCQ	101	6.5	2.46	Trung bình
25	K10BCQ033	Vũ Đỗ Dũng	Nam	K10BCQ	101	6.5	2.51	Khá
26	K10BCQ034	Lã Nguyễn Bình Minh	Nữ	K10BCQ	101	7.71	3.33	Giỏi
27	K10BCQ035	Nhạc Thanh Hường	Nữ	K10BCQ	101	7.65	3.28	Giỏi
28	K10BCQ036	Chu Hữu Hưng	Nam	K10BCQ	101	6.26	2.32	Trung bình
29	K10BCQ038	Trần Công Chiến	Nam	K10BCQ	101	6.05	2.2	Trung bình
30	K10BCQ039	Đỗ Thị Ngọc Bích	Nữ	K10BCQ	101	7.19	2.99	Khá
31	K10BCQ040	Nguyễn Thị Phương	Nữ	K10BCQ	101	7.23	3.02	Khá
32	K10BCQ041	Trịnh Thị Ngọc Diệp	Nữ	K10BCQ	101	6.46	2.47	Trung bình
33	K10BCQ042	Phan Thị Huyền Trang	Nữ	K10BCQ	101	6.33	2.41	Trung bình
34	K10BCQ044	Lê Đình Trọng	Nam	K10BCQ	101	6.94	2.86	Khá
35	K10BCQ046	Phạm Thị Diệu Linh	Nữ	K10BCQ	101	6.9	2.81	Khá
36	K10BCQ047	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	K10BCQ	101	6.86	2.77	Khá
37	K10BCQ048	Nguyễn Văn Hào	Nam	K10BCQ	101	6.37	2.38	Trung bình
38	K10BCQ049	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	K10BCQ	101	6.72	2.7	Khá
39	K10BCQ050	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	K10BCQ	101	6.42	2.43	Trung bình
40	K10BCQ051	Nguyễn Thị Hải Hưng	Nữ	K10BCQ	101	6.66	2.64	Khá
41	K10BCQ053	Lê Ngọc Dũng	Nam	K10BCQ	101	7.34	3.04	Khá
42	K10BCQ055	Nguyễn Quang Dũng	Nam	K10BCQ	101	7.04	2.9	Khá
43	K10BCQ056	Phạm Thị Lan Phương	Nữ	K10BCQ	101	7.01	2.87	Khá
44	K10BCQ057	Nguyễn Quang Vinh	Nam	K10BCQ	101	6.57	2.58	Khá
45	K10BCQ058	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	K10BCQ	101	6.96	2.91	Khá
46	K10BCQ059	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	K10BCQ	101	6.71	2.67	Khá
47	K10BCQ060	Trần Tuấn Phương	Nam	K10BCQ	101	6.57	2.55	Khá
48	K10BCQ061	Dương Phương Anh	Nữ	K10BCQ	101	6.75	2.7	Khá
49	K10BCQ063	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	K10BCQ	101	6.21	2.31	Trung bình
50	K10BCQ064	Phạm Thị Trang	Nữ	K10BCQ	101	6.92	2.79	Khá
51	K10BCQ065	Nguyễn Thị Nga	Nữ	K10BCQ	101	6.59	2.6	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTLX Hệ 4	ếp loại
52	K10BCQ068	Lương Thị Hương	Nữ	K10BCQ	101	7.31	3.11	Khá
53	K10BCQ070	Diệp Xuân Bách	Nam	K10BCQ	101	6.88	2.8	Khá
54	K10BCQ071	Quách Thị Huyền Ngọc	Nữ	K10BCQ	101	6.68	2.63	Khá
55	K10BCQ072	Phạm Thuỳ Dương	Nữ	K10BCQ	101	7.37	3.13	Khá
56	K10BCQ073	Nguyễn Hoài Thu	Nữ	K10BCQ	101	7.1	2.97	Khá
57	K10BCQ075	Nguyễn Ngọc Phương	Nam	K10BCQ	101	7.34	3.11	Khá
58	K10BCQ077	Dương Thị Ngân	Nữ	K10BCQ	101	6.51	2.52	Khá
59	K10BCQ080	Nguyễn Trần Liêm	Nam	K10BCQ	101	6.88	2.8	Khá
60	K10BCQ007	Nguyễn Kim Thoa	Nữ	K10BCQ	101	7.58	3.27	Giỏi
61	K10BCQ081	Nguyễn Ngọc Thư	Nam	K10BCQ	101	6.42	2.45	Trung bình
62	K10BCQ083	Trịnh Thuỳ Dung	Nữ	K10BCQ	101	7.41	3.15	Khá
63	K10BCQ086	Nguyễn Thị Diệu Thuỳ	Nữ	K10BCQ	101	7.44	3.14	Khá
64	K10BCQ087	Đỗ Thị Dân	Nữ	K10BCQ	101	6.08	2.21	Trung bình
65	K10BCQ088	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	K10BCQ	101	6.82	2.78	Khá
66	K10BCQ089	Đặng Thanh Bình	Nữ	K10BCQ	101	7.06	2.95	Khá
67	K10BCQ090	Nguyễn Đức Tuấn	Nam	K10BCQ	101	6.51	2.56	Khá
68	K10BCQ091	Trần Thị Mai Anh	Nữ	K10BCQ	101	6.83	2.74	Khá
69	K10BCQ094	Nguyễn Phan Anh	Nam	K10BCQ	101	6.53	2.53	Khá
70	K10BCQ096	Nguyễn Ngọc Trang	Nữ	K10BCQ	101	7.13	2.98	Khá
71	K9CCQ040	Nguyễn Duy Giang	Nữ	K10BCQ	101	6.57	2.61	Khá

PHÒNG ĐÀO TẠO


Nguyễn Thu Thủy

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

TRUNG TÂM TIN HỌC


Phạm Văn Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP (ĐỢT 1)
KHOÁ 10 (2011 – 2014) - LỚP B

Số TT	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÃ SV	ĐIỂM TBTL HỆ 4	LÝ DO	GHI CHÚ
1	Nguyễn Tuấn Anh	K10BCQ003	1.71	1- Lý luận Nhà nước và Pháp luật (K) 2- Luật Hình sự VN1: 4/4 3- Luật Hình sự VN2: 2/2 4- Luật Thương mại VN1:0/0 5- Luật Hiến pháp VN1:K 6- Luật Dân sự VN1:HT 7- Luật Dân sự VN2: 0/0 8- Luật Hôn nhân & gia đình VN:0/0	
2	Nguyễn Bá Đoàn	K10BCQ045	2.38	1- Luật Dân sự VN2:4/4 2- Luật Đất đai VN: 4/4 3- Pháp luật cộng đồng ASEAN:2/2	
3	Hà Tuấn Hiệp	K10BCQ074	2.24	1- Luật Hình sự VN2: 0/0 2- Luật Đất đai VN: 1/1	
4	Đậu Việt Hùng	K10BCQ085	2.53	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng: 0/0	
5	Đinh Viết Huy	K10BCQ037	2.33	1- Luật Hình sự VN2: 2/2 2- Luật Dân sự VN2:4/4	
6	Phạm Thị Thu Huyền	K10BCQ054	1.76	1- Luật Thương mại VN2:0/0 2- Tư pháp Quốc tế: 2/2 3- Pháp luật về Tài chính doanh nghiệp: 2/2 4- Luật Cạnh tranh và bảo vệ QL của người tiêu dùng: 2/2 5- Luật Hành chính VN:2/2	

				6- Luật Thương mại Quốc tế : 4/4 7- Lôgích học: 2/2 8- Luật Sở hữu Trí tuệ: 2/2	
7	Hoàng Quang Khải	K10BCQ093	2.15	1- Luật Tài chính VN: 2/2	
8	Nguyễn Anh Quân	K10BCQ066	1.49	1- Luật Tài chính VN: 2/2 2- Luật An Sinh xã hội: 0/0 3- Luật Chứng khoán: 4/4 4- Luật Cạnh tranh và bảo vệ QL của người tiêu dùng: 0/0 5- Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng dân sự: 4/4 6- Công pháp Quốc tế: 4/4 7- Tâm lý học đại cương: 0/0 8- Luật học so sánh: 4/4 9- Luật Thương mại Quốc tế: 3/3 10- Pháp luật cộng đồng ASEAN: 3/3 11- Tâm lý học tội phạm: 4/4	
9	Dương Văn Thành	K10BCQ095	2.03	1- Pháp luật về Tài chính doanh nghiệp: 4/4 2- Luật thị hành án Dân sự: 4/4 3- Luật Cạnh tranh và bảo vệ QL của người tiêu dùng: 2/2 4- Hợp đồng thương mại và kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng: 2/2 5- Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng dân sự: 4/4 6- Công pháp Quốc tế: 2/2	
10	Phạm Thị Phương Thảo	K10BCQ067	2.42	1- Luật học so sánh: 4/4	

11	Nguyễn Thị Trang	K10BCQ043	1.86	1- Luật thị hành án Dân sự: 0/0 2- Luật An Sinh xã hội: 0/0 3- Luật Cạnh tranh và bảo vệ QL của người tiêu dùng: 0/0 4- Hợp đồng thương mại và kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng: 0/0 5- Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng dân sự: 0/0 6- Khoa học điều tra tội phạm: 0/0 7- Tâm lý học tội phạm: 0/0	
12	Đỗ Thuỳ Linh	K10BCQ006	3.11	Văn bằng	
13	Trần Xuân Bách	K10BCQ062	0	Bỏ học từ kỳ 2 không đóng học phí	
14	Vũ Văn Công	K10BCQ084	1.33	Bỏ học từ kỳ 5 không đóng học phí	
15	Nguyễn Tuấn Hiệp	K10BCQ092	2.14	Bỏ học từ kỳ 5 không đóng học phí	
16	Phạm Thị Huệ	K10BCQ076	2.07	Bảo lưu từ học kỳ 5 không đóng học phí	
17	Bùi Thị Lan	K10BCQ025	1.66	Bỏ học từ kỳ 5 không đóng học phí	
18	Đỗ Văn Nam	K10BCQ069	0.09	Bỏ học từ kỳ 2 không đóng học phí	
19	Trần Hoài Nam	K10BCQ029	0	Bỏ học từ kỳ 2 không đóng học phí	
20	Vũ Thị Hải Thanh	K10BCQ078	0	Bỏ học từ kỳ 2 không đóng học phí	
21	Nguyễn La Thăng	K10BCQ031	0.37	Bỏ học từ kỳ 2 không đóng học phí	
22	Tô Ngọc Thịnh	K10BCQ052	1.95	Bỏ học từ kỳ 5 không đóng học phí	
23	Hoàng Văn Thuỷ	K10BCQ079	0.44	Bỏ học từ kỳ 3 không đóng học phí	
24	Lê Công Tuấn	K10BCQ082	0	Bỏ học từ kỳ 2 không đóng học phí	
25	Phạm Minh Tuấn	K10BCQ021	0	Bỏ học từ kỳ 2 không đóng học phí	
26	Trương Thị Bạch Yến	K10BCQ024	0	Bỏ học từ kỳ 2 không đóng học phí	

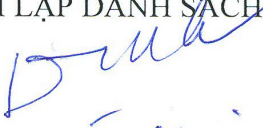
TRUNG TÂM TIN HỌC

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014
NGƯỜI LẬP DANH SÁCH


Phạm Văn Hải


Nguyễn Thu Thủy


Phùng Văn Định